ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 870 /UBND-KT	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 6 năm 2024*

V/v cung cấp danh sách khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Cục Địa chất Việt Nam
(*Địa chỉ: số 06, đường Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*).

Thực hiện Công văn số 990/ĐCVN-ĐCUĐ ngày 06/6/2024 của Cục Địa chất Việt Nam về việc đề nghị phối hợp thực hiện nội dung thuộc Đề án Chính phủ *"Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam"*; sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn báo cáo như sau:

Căn cứ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ mã số: TNMT.2021.02.08 "Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí và xác định các rủi ro cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam" do Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản chủ trì thực hiện. Trên cơ sở các phụ lục 3 (khu vực rủi ro với sạt lở đất), phụ lục 4 (khu vực rủi ro với lũ quét), phụ lục 5 (khu vực rủi ro với sạt lở đất, lũ quét); UBND tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương và tình hình diễn biến thiên tai trong thời gian gần đây đã thực hiện rà soát danh sách các khu vực, tổng hợp danh sách các khu vực và theo mức độ ưu tiên để thực hiện như theo đề nghị của Cục Địa chất Việt Nam bao gồm 02 phụ lục như sau:

- Phụ Lục 1: Danh sách các khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét tỉnh Lạng Sơn.

- Phục lục 2: Danh sách các khu vực rủi ro cao với sạt lở đất trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (bổ sung).

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kính gửi Cục Địa chất Việt Nam xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, GTVT, NNPTNN, TNMT;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(NNT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC KHU VỰC RỦI RO CAO VỚI SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT VÀ SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Công văn số 870/UBND-KT ngày 29/6/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Danh sách các khu vực rủi ro cao với sạt lở đất

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
1	Lạng Sơn	Lộc Bình	Xuân Lễ *(nay là Khánh Xuân)*	7,03	1
2	Lạng Sơn	Cao Lộc	Thị trấn Đồng Đăng	4,53	3
3	Lạng Sơn	Cao Lộc	Hoà Cư	15	2
4	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vũ Sơn	11,11	3
5	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Long Đống	22,08	3
6		Bắc Sơn	Chiến Thắng	34,85	3
7	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Hương	9,27	3
8	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Đồng Ý	19,59	1
9	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vũ Lăng	13	2
10	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vũ Lễ	23,04	1
11	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Tri	45,65	1
12	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Trấn Yên	20,32	2
13	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vạn Thuỷ	26,75	1
14	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Thành	28,39	2
15	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Lập	16	2
16	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Hưng Vũ	10,03	3
17	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Hữu Vĩnh	11,75	2
18	Lạng Sơn	Bình Gia	Minh Khai	62,69	1
19	Lạng Sơn	Bình Gia	Quang Trung	53,74	1
20	Lạng Sơn	Bình Gia	Mông Ân	34,52	5
21	Lạng Sơn	Bình Gia	Hoa Thám	113,15	1
22	Lạng Sơn	Bình Gia	Hồng Thái	38,06	2
23	Lạng Sơn	Bình Gia	Hưng Đạo	38,85	2
24	Lạng Sơn	Bình Gia	Tô Hiệu *(nay là thị trấn Bình Gia)*	26,38	5
25	Lạng Sơn	Bình Gia	Tân Văn	39,45	4
26	Lạng Sơn	Bình Gia	Hoàng Văn Thụ	40,75	4
27	Lạng Sơn	Bình Gia	Thiện Long	54,93	3
28	Lạng Sơn	Bình Gia	Hoà Bình	51,59	2
29	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thị trấn Na Sầm	1,56	1
30	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc La	2,31	2
32	Lạng Sơn	Văn Lãng	Tân Tác	0,1	3
33	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Việt	2,2	2
34	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thuỵ Hùng	0,5	3
35	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Văn Thụ	0,53	3
36	Lạng Sơn	Văn Lãng	Tân Mỹ	0,8	2
37	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Việt	0,11	3
38	Lạng Sơn	Văn Lãng	Nhạc Kỳ	3,6	2

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
39	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hội Hoan	0,2	3
40	Lạng Sơn	Văn Lãng	Trùng Khánh	0,2	3
41	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thanh Hoà	0,5	3
42	Lạng Sơn	Chi Lăng	Mai Sao	32,74	4
43	Lạng Sơn	Chi Lăng	Đồng Mỏ	4,92	2
44	Lạng Sơn	Chi Lăng	Thượng Cường	22,21	3
45	Lạng Sơn	Chi Lăng	Gia Lộc	41,46	5
46	Lạng Sơn	Chi Lăng	Hữu Kiên	82,95	1
47	Lạng Sơn	Tràng Định	Cao Minh	30,5	2
48	Lạng Sơn	Tràng Định	Khánh Long	45,5	2
49	Lạng Sơn	Tràng Định	Đoàn Kết	50,43	1
50	Lạng Sơn	Tràng Định	Vĩnh Tiến	29,59	1
51	Lạng Sơn	Tràng Định	Chí Minh	51,36	2
52	Lạng Sơn	Tràng Định	Tân Yên	68,3	2
53	Lạng Sơn	Tràng Định	Đề Thám	39,76	1
54	Lạng Sơn	Tràng Định	Bắc Ái	22,25	1
55	Lạng Sơn	Tràng Định	Tri Phương	46,41	2
56	Lạng Sơn	Văn Quan	Khánh Khê	9,65	1
57	Lạng Sơn	Văn Quan	Tràng Các	18,1	2
58	Lạng Sơn	Văn Quan	Chu Túc	15,61	2
59	Lạng Sơn	Văn Quan	Đồng Giáp	18,81	2
60	Lạng Sơn	Văn Quan	TT. Văn Quan	12,37	1

2. Danh sách các khu vực rủi ro cao với lũ quét

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
1	Lạng Sơn	Lộc Bình	Đồng Bục	9,8	1
2	Lạng Sơn	Lộc Bình	Thị trấn Lộc Bình	3,78	2
3	Lạng Sơn	Lộc Bình	Hữu Khánh	21,4	3
4	Lạng Sơn	Lộc Bình	Thị trấn Na Dương	11,14	4
5	Lạng Sơn	Lộc Bình	Như Khuê *(nay là Thống Nhất)*	8,37	5
6	Lạng Sơn	Lộc Bình	Xuân Mãn *(nay là Khánh Xuân)*	10,44	6
7	Lạng Sơn	Lộc Bình	Xuân Tình *(nay là Thống Nhất)*	7,91	7
8	Lạng Sơn	Lộc Bình	Minh Hiệp	15,0	8
9	Lạng Sơn	Lộc Bình	Nam Quan	8,5	9
10	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Thị trấn Hữu Lũng	4,79	3
11	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Đồng Tân	26,52	1
12	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Minh Sơn	34,68	2
13	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Nhật Tiến	20	2
14	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Hồ Sơn	15,4	3
15	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Sơn Hà	6,02	4

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
16	Lạng Sơn	Cao Lộc	Hoà Cư	21,19	4
17	Lạng Sơn	Cao Lộc	Thị trấn Đồng Đăng	4,53	4
18	Lạng Sơn	Cao Lộc	Yên Trạch	37,16	4
19	Lạng Sơn	Cao Lộc	Lộc Yên	30,69	5
20	Lạng Sơn	Cao Lộc	Phú Xá	12,65	5
21	Lạng Sơn	Cao Lộc	Thạch Đạn	35,05	3
22	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Thành	31,67	2
23	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Nhất Hoà	42,41	2
24	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Văn Thụ	17,63	2
25	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thị trấn Na Sầm	1,56	1
26	Lạng Sơn	Văn Lãng	Tân Thanh	0,05	3
27	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Việt	2,5	2
28	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Việt	1,56	3
29	Lạng Sơn	Văn Lãng	Tân Mỹ	5,6	2
30	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Hùng	2,7	3
31	Lạng Sơn	Chi Lăng	Đồng Mỏ	4,92	1
32	Lạng Sơn	Chi Lăng	Nhân Lý	22,37	2
33	Lạng Sơn	Chi Lăng	Thị trấn Chi Lăng	4,08	3
34	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn	P Chi Lăng	4,08	1
35	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn	Hoàng Đồng	25,77	2
36	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn	Mai Pha	13,58	5
37	Lạng Sơn	TP Lạng Sơn	Quảng Lạc	27,72	3
38	Lạng Sơn	Văn Quan	Việt Yên (nay là xã Liên Hội)	8,45	2
39	Lạng Sơn	Văn Quan	Chu Túc (nay là xã An Sơn)	15,61	2
40	Lạng Sơn	Đình Lập	TT Đình Lập	6,34	2
41	Lạng Sơn				

3. Danh sách các khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
1	Lạng Sơn	Lộc Bình	Xuân Lễ *(nay là Khánh Xuân)*	7,03	1
2	Lạng Sơn	Lộc Bình	Lục Thôn *(nay là thị trấn Lộc*	13,8	2
3	Lạng Sơn	Cao Lộc	Thị trấn Đồng Đăng	4,53	4
4	Lạng Sơn	Cao Lộc	Bình Trung	15,15	4
5	Lạng Sơn	Cao Lộc	Hồng Phong	10,6	4
6	Lạng Sơn	Cao Lộc	Xuân Long	23,36	4
7	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vạn Thuỷ	40,25	2
8	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Vũ Lăng	41,32	2
9	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Nhất Hoà	42,41	2
10	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Tân Thành	31,67	2

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện*
11	Lạng Sơn	Bình Gia	Quang Trung	53,74	5
12	Lạng Sơn	Bình Gia	Hồng Thái	38,06	5
13	Lạng Sơn	Bình Gia	Tân Văn	39,45	5
14	Lạng Sơn	Bình Gia	Thiện Long	54,93	5
15	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thị trấn Na Sầm	1,56	1
16	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Văn Thụ	17,63	2
17	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Hùng	3,4	2
18	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hoàng Việt	4,7	2
19	Lạng Sơn	Văn Lãng	Tân Mỹ	6,4	1
20	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Việt	1,67	3
21	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thanh Hoà	0,87	3
22	Lạng Sơn	Chi Lăng	Mai Sao	32,74	5
23	Lạng Sơn	Chi Lăng	Đồng Mỏ	4,92	1
24	Lạng Sơn	Chi Lăng	Lâm Sơn	38,76	2
25	Lạng Sơn	Chi Lăng	Hữu Kiên	82,95	2
26	Lạng Sơn	Chi Lăng	Thượng Cường	22,21	3
27	Lạng Sơn	Chi Lăng	Gia Lộc	41,46	4
28	Lạng Sơn	Tràng Định	Tri Phương	46,41	2
29	Lạng Sơn	Văn Quan	Tràng Các	18,1	1
30	Lạng Sơn	Văn Quan	Chu Túc (nay là xã An Sơn)	15,61	2
31	Lạng Sơn	Văn Quan	Đồng Giáp	18,81	2

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC KHU VỰC RỦI RO CAO VỚI SẠT LỞ ĐẤT TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN (BỔ SUNG)

(Kèm theo Công văn số 870/UBND-KT ngày 29 /6/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu tiên thực hiện	Ghi chú (sạt lở/lũ quét/ Sạt lở đất, lũ quét)
1	Lạng Sơn	Văn Quan	Điềm He	1500	2	Sạt lở đất
2	Lạng Sơn	Văn Quan	Lương Năng	450	2	Sạt lở đất
3	Lạng Sơn	Văn Quan	Bình Trung	400	2	Sạt lở đất
4	Lạng Sơn	Văn Quan	Tràng Phái	560	3	Sạt lở đất
5	Lạng Sơn	Văn Quan	Tân Đoàn	900	3	Sạt lở đất
6	Lạng Sơn	Văn Quan	An Sơn	600	3	Sạt lở đất
7	Lạng Sơn	Văn Quan	Hòa Bình	450	3	Sạt lở đất
8	Lạng Sơn	Bình Gia	Tân Văn	900	2	Sạt lở đất
9	Lạng Sơn	Bình Gia	Thị Trấn Bình Gia	200	2	Sạt lở đất
10	Lạng Sơn	Bình Gia	Minh Khai	450	2	Sạt lở đất
11	Lạng Sơn	Bình Gia	Hưng Đạo	1400	2	Sạt lở đất
12	Lạng Sơn	Bình Gia	Thiện Hòa	900	2	Sạt lở đất
13	Lạng Sơn	Bình Gia	Thiện Thuật	750	2	Sạt lở đất
14	Lạng Sơn	Bình Gia	Bình La	900	2	Sạt lở đất
15	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Trấn Yên	2400	1	Sạt lở đất
16	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Long Đống	200	2	Sạt lở đất
17	Lạng Sơn	Bắc Sơn	Chiến Thắng	1500	2	Sạt lở đất

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu	Ghi chú
18	Lạng Sơn	Lộc Bình	Yên Khoái	250	2	Sạt lở đất
19	Lạng Sơn	Lộc Bình	Khuất Xá	300	2	Sạt lở đất
20	Lạng Sơn	Lộc Bình	Hữu Lân	400	2	Sạt lở đất
21	Lạng Sơn	Lộc Bình	Tú Đoạn	200	2	Sạt lở đất
22	Lạng Sơn	Lộc Bình	Thị Trấn Na Dương	150	2	Sạt lở đất
23	Lạng Sơn	Lộc Bình	Công Sơn	2000	2	Sạt lở đất
24	Lạng Sơn	Lộc Bình	Mẫu Sơn	2500	2	Sạt lở đất
25	Lạng Sơn	Lộc Bình	Minh Hiệp	400	2	Sạt lở đất
26	Lạng Sơn	Đình Lập	Châu Sơn	300	2	Sạt lở đất
27	Lạng Sơn	Đình Lập	Bắc Lãng	1000	2	Sạt lở đất
28	Lạng Sơn	Đình Lập	Lâm Ca	900	1	Sạt lở đất
29	Lạng Sơn	Đình Lập	Thị Trấn Nông Trường	750	2	Sạt lở đất
30	Lạng Sơn	Đình Lập	Bắc Xa	1500	1	Sạt lở đất
31	Lạng Sơn	Đình Lập	Bính Xá	1250	1	Sạt lở đất
32	Lạng Sơn	Đình Lập	Kiên Mộc	600	2	Sạt lở đất
33	Lạng Sơn	Văn Lãng	Bắc Việt	300	1	Sạt lở đất
34	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thanh Hòa	100	3	Sạt lở đất
35	Lạng Sơn	Văn Lãng	Gia Miễn	400	3	Sạt lở đất
36	Lạng Sơn	Văn Lãng	Hội Hoan	200	3	Sạt lở đất
37	Lạng Sơn	Văn Lãng	Thanh Long	200	3	Sạt lở đất
38	Lạng Sơn	Tràng Định	Hùng Việt	300	1	Sạt lở đất
39	Lạng Sơn	Tràng Định	Chi Lăng	200	1	Sạt lở đất
40	Lạng Sơn	Tràng Định	Tri Phương	200	1	Sạt lở đất
41	Lạng Sơn	Tràng Định	Chí Minh	450	1	Sạt lở đất

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Diện tích	Mức độ ưu	Ghi chú
42	Lạng Sơn	Tràng Định	Quốc Khánh	600	1	Sạt lở đất
43	Lạng Sơn	Tràng Định	Tân Yên	600	1	Sạt lở đất
44	Lạng Sơn	Tràng Định	Tân Tiến	200	2	Sạt lở đất
45	Lạng Sơn	Tràng Định	Kim Đồng	300	3	Sạt lở đất
46	Lạng Sơn	Tràng Định	Tân Minh	800	1	Sạt lở đất
47	Lạng Sơn	Chi Lăng	Chiến Thắng	300	2	Sạt lở đất
48	Lạng Sơn	Chi Lăng	Lâm Sơn	600	3	Sạt lở đất
49	Lạng Sơn	Chi Lăng	Nhân Lý	400	3	Sạt lở đất
50	Lạng Sơn	Chi Lăng	Quan Sơn	300	3	Sạt lở đất
51	Lạng Sơn	Chi Lăng	Thị trấn Đồng Mỏ	200	1	Sạt lở đất
52	Lạng Sơn	Chi Lăng	Thượng Cường	400	1	Sạt lở đất
53	Lạng Sơn	Chi Lăng	Gia Lộc	300	2	Sạt lở đất
54	Lạng Sơn	Cao Lộc	Yên Trạch	150	2	Sạt lở đất
55	Lạng Sơn	Cao Lộc	Tân Thành	150	2	Sạt lở đất
56	Lạng Sơn	Cao Lộc	Bảo Lâm	200	2	Sạt lở đất
57	Lạng Sơn	Cao Lộc	Phú Xá	250	2	Sạt lở đất
58	Lạng Sơn	Cao Lộc	Bình Trung	150	2	Sạt lở đất
59	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Yên Thịnh	300	2	Sạt lở đất
60	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Yên Vượng	300	2	Sạt lở đất
61	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Hữu Liên	1000	1	Sạt lở đất
62	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Hòa Thắng	150	3	Sạt lở đất
63	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Hòa Sơn	150	3	Sạt lở đất